

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-PT

Ngày: 14-03-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Bà **Nguyễn Thị Cảnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 256/2017/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị T do có kháng cáo của các bị cáo P, T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 97/2017/HS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị P, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1960; Nơi cư trú: 338/H01/03 T, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang S (chết) và bà Huỳnh Thị Đ (chết); có chồng là Lê Đình Th (sinh năm 1959) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 08/12/2016 đến ngày 24/01/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Trần Thị T, sinh ngày 07 tháng 3 năm 1990; Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã L,

thành phố H, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: K577/06 Đ, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ N (sinh năm 1964) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1964); có 01 con sinh ngày 24/10/2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T: Bà Võ Thị Nhật P, Luật sư Văn phòng Luật sư T – Thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Phương T có kháng cáo nhưng trước khi mở phiên tòa bị cáo đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 08/2014 đến tháng 03/2016, Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P, Trần Thị T tổ chức thành lập ra nhiều công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT với số lượng đặc biệt lớn, thu lợi bất chính, cụ thể như sau: Nguyễn Phương T đã nhờ Trần Thị T làm dịch vụ thành lập 02 công ty N và B; T chỉ đạo P và T viết, ký và xuất bán không tổng cộng 1472 tờ hóa đơn của 02 công ty này với tổng doanh số chưa thuế 42.162.969.097 đồng, T thu lợi bất chính số tiền 1.373.140.000 đồng; Nguyễn Thị P đã trực tiếp giúp cho Nguyễn Phương T xuất bán không 1408 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 31.549.481.122 đồng của công ty N và công ty B thu lợi bất chính 259.840.000 đồng. Đồng thời trực tiếp thành lập 02 công ty M và P xuất bán 446 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586 thu lợi bất chính 502.550.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 hóa đơn doanh số chưa thuế là 38.049.959.708 đồng của 4 công ty, thu lợi bất chính tổng số tiền 762.390.000 đồng và Trần Thị T giúp cho Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P trong việc thành lập công ty N, B và xuất bán không 1472 hóa đơn, thu lợi bất chính số tiền 73.930.000 đồng.

Với nội dung như trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 97/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định:

- Áp dụng điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù (nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam ngày 8/12/2016 đến ngày 24/1/2017) về tội “Mua bán trái

phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 (một) năm tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Phương T, tuyên về phần xử lý vật chứng, phần án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 26/11/2017 bị cáo Nguyễn Phương T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng đến ngày 19/12/2017 bị cáo T rút đơn kháng cáo.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị P và Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án mà Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã tuyên đối với bị cáo là quá nặng, xin xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T còn xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P và Trần Thị T có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy bị cáo Nguyễn Thị P đã trực tiếp giúp cho Nguyễn Phương T xuất bán không 1408 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 31.549.481.122 đồng của công ty N và công ty B thu lợi bất chính 259.840.000 đồng. Đồng thời trực tiếp thành lập 02 công ty M và P xuất bán 446 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586 thu lợi bất chính 502.550.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 hóa đơn doanh số chưa thuế là 38.049.959.708 đồng của 4 công ty, thu lợi bất chính tổng số tiền 762.390.000 đồng. Bị cáo Trần Thị T giúp cho Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P trong việc thành lập công ty N, B và xuất bán không 1472 hóa đơn, thu lợi bất chính số tiền 73.930.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm số 97/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu xử bị cáo Nguyễn Thị P về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự; xử bị cáo Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ hành

vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 46 bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Trần Thị T 01 năm tù giam là phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm a khoản 1 điều 355 và Điều 356 của BLTTHS 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luận cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo T cho rằng bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, hoàn cảnh khó khăn đặc biệt, bị cáo là lao động chính trong gia đình, lúc phạm tội bị cáo là người đang mang thai, hơn nữa bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 BLHS 2015 cho bị cáo hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị P và Trần Thị T cũng thừa nhận bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự là đúng tội và bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị T cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 2014 đến năm 2016, Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P, Trần Thị T tổ chức thành lập ra nhiều công ty để bán trái phép hóa đơn GTGT với số lượng đặc biệt lớn, thu lợi bất chính, cụ thể như sau: Nguyễn Thị P đã trực tiếp giúp cho Nguyễn Phương T xuất bán không 1408 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 31.549.481.122 đồng của công ty N và công ty B thu lợi bất chính 259.840.000 đồng. Đồng thời trực tiếp thành lập 02 công ty M và P xuất bán 446 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là 6.500.478.586 thu lợi bất chính 502.550.000 đồng. Tổng cộng Nguyễn Thị P đã bán trái phép 1854 hóa đơn doanh số chưa thuế là 38.049.959.708 đồng của 4 công ty, thu lợi bất chính tổng số tiền 762.390.000

đồng. Trần Thị T giúp cho Nguyễn Phương T, Nguyễn Thị P trong việc thành lập công ty N, B. T trực tiếp xuất bán không 42 hóa đơn, thu lợi bất chính số tiền 8.950.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm số 97/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thị P về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d, đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự; xét xử đối với các bị cáo Trần Thị T về tội “Mua bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị P và Trần Thị T: Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, các bị cáo Nguyễn Thị P và Trần Thị T thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nhiều lần, trước khi các bị cáo thực hiện việc phạm tội đã có sự bàn bạc, tính toán trước nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tổ chức. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý Kinh tế của nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Do đó đối với bị cáo cần phải cách ly ra xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo Nguyễn Thị P, Trần Thị T được hưởng quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo P đưa ra tại phiên tòa hôm nay đã được cấp sơ thẩm xem xét; Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo P có nộp thêm 200.000.000 đồng thu nhập bất chính để sung công quỹ; Tuy nhiên, xem xét mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, số tiền thu lợi bất chính 762.390.000 đồng nên mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù là không nặng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị P giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo P.

Đối với bị cáo Trần Thị T, bị cáo T tham gia việc mua bán hóa đơn trái phép từ 04/2015 đến 09/2015 thì nghỉ sinh, không tham gia mua bán hóa đơn nữa. Do đó cơ quan điều tra, truy tố, và xét xử sơ thẩm xác định bị cáo mua bán 1.472 hóa đơn, thu nhập bất chính 73.930.000 đồng là chưa chính xác. Bị cáo chỉ bán 42 hóa đơn, thu nhập bất chính 8.950.000 đồng, còn 65.000.000 đồng là tiền lương tháng của Trần Thị T, nên Hội đồng xét xử xem xét mức độ vi phạm của bị cáo để khi lượng hình. Bị cáo chỉ là người làm công ăn lương cho bị cáo T nên mọi việc vi phạm của bị cáo T đều do bị cáo T chỉ đạo, ra lệnh; vai trò của T giúp sức nhưng ở mức độ

không đáng kể. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo, khi phạm tội bị cáo đang mang thai, tình tiết này án sơ thẩm cũng chưa áp dụng cho bị cáo là có phần ảnh hưởng đến quyền lợi cho bị cáo; Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp đầy đủ khoản tiền mà án sơ thẩm buộc truy nộp sung công, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo tàn tật đặc biệt nặng có xác nhận của chính quyền địa phương. Xét thấy tại giai đoạn phúc thẩm có phát hiện thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử giảm một phần hình phạt cho bị cáo T để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Phương T. Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2017/HSST ngày 22/11/2017 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo Nguyễn Phương T có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của BLTTHS 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị P giữ nguyên án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

- Áp dụng điểm a, b, d, đ Khoản 2 Điều 164a; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung 2009:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, (nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam ngày 8/12/2016 đến ngày 24/1/2017 là 01 tháng 14 ngày), còn phải chấp hành là 01 năm 04 tháng 16 ngày tù (Một năm, bốn tháng, mười sáu ngày), thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của BLTTHS 2015: Sửa án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm a, b, d khoản 2 Điều 164a; điểm b, l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 sửa đổi bổ sung 2009; Nghị quyết 41 của Quốc hội, Điều 51, Điều 54 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS 2015 sửa đổi bổ sung 2017:

3.1 Tuyên buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 762.390.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; bị cáo đã nộp được 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) ngày 10/01/2017 và ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, còn phải nộp tiếp là 462.390.000 đồng.

3.2 Tuyên buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 73.930.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước; bị cáo đã nộp xong.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Phương T và bị cáo Trần Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; buộc bị cáo Nguyễn Thị P phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng HSNV CA TP ĐN; (PV27)
- VKSND TPĐN;
- Chi cục THA quận Hải Châu;
- TAND quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng;
- Sở tư pháp TPĐN
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Bùi Trọng Danh